TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/LĐ-PT
Ngày: 15 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp về tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Ngô Đức Thọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-LĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp về tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 1605/2023/LĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 369/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H Hross, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Nhà số 24/10 Đường số 9, KP 1, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà T3, Block B, tầng 39, căn 05-Chung cư M, số 139 V, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1989; địa chỉ: Nhà số 383 đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH B Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 9 đường Đ, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Anh Hoàng Minh Dự, có mặt;

Chị Lê Thị Cẩm Vân, có mặt;

Chị Nguyễn Ngọc Thanh Nhàn, có mặt;

Cùng địa chỉ: Phòng 19.01, tầng 19, Tòa nhà Saigon Trade Center, số 37 đường T, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Sơn T, thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Phòng 19.01, tầng 19, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 T, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH B Hồng Kông..

Địa chỉ trụ sở: Units 1604-6, 16th Floor, C, 455-457 C, T, Hong Kong SAR, China; vắng mặt.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thanh T, có mặt.

Nơi cư trú: Nhà số 24/10 Đường số 9, KP 1, phường H, thành phố Tc, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà T3, Block B, tầng 39, căn 05-Chung cư M, số 139 V, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông H Hross, Công ty TNHH B Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thông qua đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2022 và quá trình tham gia tố tụng ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông H Hross do bà Nguyễn Thị Hồng H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H Hross làm việc cho Công ty TNHH B Hồng Kông. (có trụ sở tại Hồng Kông, Trung Quốc) từ ngày 15/12/1999. Đến ngày 17/10/2016, ông H Hross nhập cảnh vào Việt Nam để làm việc cho Công ty TNHH B Việt Nam theo Thỏa thuận làm việc số 261.16/LC-BVN với Công ty B Việt Nam, vị trí công việc là Giám đốc công trường. Theo ông H Hross thì đến tháng 9/2017 Công ty B Việt Nam mới nộp hồ sơ cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh để xin cấp giấy phép lao động cho ông H Hross. Nay ông H Hross không còn lưu giữ bản sao của giấy phép lao động này. Sau đó ông H Hross tiếp tục nhận được 02 giấy phép lao động, một giấy có giá trị từ ngày 07/5/2018 đến 17/7/2019 và một giấy có giá trị từ ngày 17/7/2019 đến 17/7/2021.

Ngày 01/4/2020 ông H Hross ký hợp đồng lao động số 12.20/LC-BVN với Công ty B Việt Nam với chức danh Giám đốc công trường, mức lương 8.295 Euro/tháng. Ngoài ra, theo thỏa thuận tại hợp đồng thì "Người lao động" được cung cấp 2 vé máy bay khứ hồi về nhà (hạng phổ thông) cho mỗi năm dương lịch của các tháng làm việc của người lao động (thời gian 12 tháng).

Ngày 22/01/2021 ông H Hross đã nộp đơn xin nghỉ việc qua email đến ông Yann Bourgoin là người đại diện theo pháp luật của Công ty B Việt Nam. Đến

ngày 23/01/2021, ông Yann Bourgoin đã ký Công văn số 0121/HR-TL về việc chấp thuận đơn thôi việc của ông H Hross.

Theo ông H Hross thì việc ông Công ty B Việt Nam thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với ông là phù hợp với khoản 3 Điều 34 của Bộ luật lao động năm 2019. Vì vậy, thời gian ông H Hross làm việc cho Công ty B Việt Nam phải tuân thủ theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 và các Phụ lục mà hai bên đã ký kết ngày 01/4/2020, trong đó có Phụ lục được ký kết giữa ba bên là ông H Hross, đại diện Công ty B Hồng Kông và đại diện Công ty B Việt Nam. Theo đó, Công ty B Việt Nam đồng ý công nhận các quyền lợi mà ông H Hross đã được hưởng từ những năm làm việc với Công ty B Hồng Kông, như thể những năm làm việc này đã được sử dụng với Công ty B Việt Nam. Vì vậy thời gian làm việc thực tế của ông H Hross phải được tính từ tháng 12 năm 1999 đến hết tháng 02 năm 2021. Do đó, Công ty B Việt Nam phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông H Hross từ tháng 12 năm 1999 đến tháng 02 năm 2021.

Ngoài ra, tại mục 3.7 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 có thỏa thuận: "*Người lao động sẽ được cung cấp 2 vé máy bay khứ hồi về nhà (hạng phổ thông) cho mỗi năm dương lịch của các tháng làm việc của người lao động (thời gian 12 tháng)*". Theo ông H Hross thì thỏa thuận này không có nghĩa là ông phải sử dụng 02 vé máy bay khứ hồi do Công ty B Việt Nam cung cấp để về nhà (ở CHLB Đức), mà mặc nhiên Công ty B Việt Nam phải thanh toán cho ông khi ông đáp ứng đủ điều kiện về thời gian làm việc. Công ty B Việt Nam không thể lấy lý do vì dịch Covid-19 nên ông không thể về Đức để không phải thanh toán quyền lợi sử dụng vé máy bay cho ông.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty B Việt Nam thanh toán trả cho nguyên đơn những khoản sau:

Một là, tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 15/12/1999 đến ngày 25/02/2021, tổng cộng là 87.097,5 Euro. Công ty B Việt Nam đã thanh toán cho ông H Hross 4.009,50 Euro. Công ty B Việt Nam phải thanh toán 83.088 Euro tương đương 2.269.282.838 đồng (tạm tính theo tỷ giá chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ngày 13/05/2021);

Hai là, tiền 02 (hai) vé máy bay khứ hồi hạng "Phổ thông tiêu chuẩn" từ Việt Nam về Đức là 52.762.000 đồng.

Tổng cộng của hai yêu cầu trên là 2.322.044.838 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày, đồng thời bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với khoản tiền tương đương 83.088 Euro tính từ ngày 01/3/2021 cho đến ngày Công ty B Việt Nam thi hành xong số tiền.

Bị đơn là Công ty TNHH B Việt Nam do những người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thứ nhất, về yêu cầu của nguyên đơn đòi Công ty B Việt Nam trả tiền trợ cấp thôi việc tính từ ngày 15/12/1999 đến ngày 25/02/2021:

Nguyên đơn chỉ là người lao động của Công ty B Việt Nam từ ngày 01/04/2020 theo Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 và các Phụ lục ngày 01/4/2020 mà hai bên đã ký kết. Còn khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 3/2020 thì nguyên đơn được Công ty B Hồng Kông cử sang Việt Nam để làm việc theo thỏa thuận giữa Công ty B Hồng Kông và Công ty B Việt Nam, cụ thể là "Thỏa thuận Tư vấn và Hỗ trợ Dịch vụ số BHK/BVN/16001 (tên tiếng Anh: Agreement for Consultancy and Support Services, sau đây gọi tắt là "Thỏa thuận số 16001"). Công ty B Việt Nam và Công ty B Hồng Kông là hai pháp nhân độc lập. Theo Thỏa thuận 16001 thì: Công ty B Hồng Kông sẽ cung cấp dịch vụ là cung ứng nhân viên kỹ thuật cho Công ty B Việt Nam và Công ty B Việt Nam sẽ chi trả chi phí dịch vụ. Công ty B Việt Nam cam kết không tuyển dụng bất kỳ nhân viên nào hoặc nhân viên cũ của Công ty B Hồng Kông, Công ty B Hồng Kông có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản tiền lương, chi phí, thuế liên quan trực tiếp đến nhân sự của mình.

Công ty B Hồng Kông sau đó đã cử ông H Hross sang Việt Nam để đảm nhiệm vị trí Giám đốc công trường nhằm thực hiện Thỏa thuận 16001 kể từ tháng 10/2016 cho đến hết 3/2020. Trong suốt thời gian này, hằng tháng Công ty B Hồng Kông đã phát hành các "Thông báo yêu cầu thanh toán phí sử dụng dịch vụ" gửi cho Công ty B Việt Nam và Công ty B Việt Nam đã thanh toán đầy đủ cho Công ty B Hồng Kông theo thỏa thuận. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 cho đến hết 3/2020, Công ty B Việt Nam và ông H Hross không ký kết bất kỳ một Hợp đồng lao động nào. Ngoài ra, bị đơn được biết trong giai đoạn này Công ty B Hồng Kông trực tiếp trả lương cho nguyên đơn.

Ngày 31/03/2021, Công ty B Hồng Kông phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động với ông H Hross. Trong thông báo này Công ty B Hồng Kông nêu rõ ông H Hross sẽ được điều chuyển và tuyển dụng bởi Công ty B Việt Nam kể từ ngày 01/4/2020. Như vậy, tài liệu này cũng thể hiện rõ trước thời điểm ngày 01/04/2020 ông Hross không phải là người lao động của Công ty B Việt Nam.

Đến ngày 24/7/2020, Công ty B Hồng Kông phát hành Thư thông báo về tổng các khoản tiền mà ông H Hross được nhận sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty B Hồng Kông vào ngày 31/03/2020. Các khoản này bao gồm tiền thưởng, tiền ngày phép năm và tiền vé máy bay, tổng cộng là 144.701,88 đô-la Hồng Kông (HKD). Ông H Hross đã ký xác nhận chấp thuận các khoản tiền này và không có bất kỳ khiếu nại nào đối với Công ty B Hồng Kông.

Ngày 01/4/2020 Công ty B Việt Nam và ông H Hross đã ký kết Hợp đồng lao động số 12.20/LC-BVN với các nội dung chính như sau: Công ty B Việt Nam thuê ông H Hross làm Giám đốc công trường; thời hạn của hợp đồng: Kể từ ngày 01/4/2020 và phụ thuộc vào điều kiện ông H Hross được cấp Giấy phép lao động tại Việt Nam; mức lương là 8.295 Euro/tháng. Như vậy, các thông tin và tài liệu mà bị đơn đã cung cấp nêu trên chứng minh rằng ông Hross không phải là người lao động của Công ty B Việt Nam trước thời điểm tháng 4/2020.

Nguyên đơn viện dẫn Điều 5 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền trợ cấp thôi việc tính từ năm 1999 đến năm 2021. Tuy nhiên, Điều 5 của hợp đồng không có bất kỳ nội dung nào đề cập đến việc Công ty B Việt Nam phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông H Hross mà chỉ thỏa thuận về việc Công ty B Việt Nam sẽ chi trả một khoản bồi thường theo luật Việt Nam cho ông H Hross trong trường hợp Công ty B Việt Nam chấm dứt hợp đồng lao động với ông H Hross thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8.2 của hợp đồng. Trợ cấp thôi việc là một khoản trợ cấp theo quy định của pháp luật lao động và hoàn toàn khác biệt với các khoản bồi thường được quy định trong Bộ luật lao động hiện hành. Vì vậy, việc ông Hross vận dụng Điều 5 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 để yêu cầu Công ty B Việt Nam thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là không có cơ sở. Trong trường hợp nguyên đơn muốn nhận trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật từ bị đơn thì nguyên đơn cần đáp ứng được hai điều kiện gồm:

(i) Đã làm việc thực tế cho Công ty B Việt Nam theo hợp đồng lao động; và

(ii) Phải làm việc thường xuyên cho Công ty B Việt Nam từ đủ 12 tháng trở lên. Theo đó, việc ông Hross cho rằng mình được nhận tiền trợ cấp thôi việc đối với toàn bộ thời gian làm việc cho Công ty B Hồng Kông (không làm việc thực tế cho Công ty B Việt Nam) là trái với quy định của pháp luật lao động về trợ cấp thôi việc nêu trên.

Theo các thông tin và tài liệu mà bị đơn đã cung cấp nêu trên, nguyên đơn chỉ chính thức là người lao động của Công ty B Việt Nam kể từ ngày 01/4/2020. Đến ngày 25/02/2021, nguyên đơn nghỉ việc tại Công ty B Việt Nam. Như vậy, thời gian nguyên đơn làm việc thực tế cho Công ty B Việt Nam chỉ từ tháng 4/2020 đến gần cuối tháng 2/2021 nên khoảng thời gian này không đủ 12 tháng. Do đó, nguyên đơn không đủ điều kiện để nhận trợ cấp thôi việc từ Công ty B Việt Nam theo quy định của pháp luật lao động. Nguyên đơn đã chủ động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn nên không thuộc trường hợp được nhận tiền bồi thường theo Điều 5 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020.

Thứ hai, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán vé máy bay khứ hồi từ Việt Nam về CHLB Đức mà nguyên đơn chưa sử dụng:

Nguyên đơn (thông qua người đại diện theo ủy quyền) viện dẫn Điều 3.7 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 để cho rằng nguyên đơn được quyền nhận tiền của 02 vé máy bay khứ hồi chặng Việt Nam - CHLB Đức mà nguyên đơn chưa sử dụng. Tại Điều 3.7 của Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020, hai bên thỏa thuận như sau "*Người lao động sẽ được cung cấp 02 vé máy bay khứ hồi về nhà (hạng phổ thông) cho mỗi năm dương lịch của các tháng làm việc của Người lao động (thời hạn 12 tháng)*". Như vậy, theo quy định này các bên không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc Công ty B Việt Nam đồng ý trả tiền vé máy bay chưa sử dụng cho ông H Hross, mà chỉ cung cấp hiện vật là vé máy bay cho ông H Hross, nếu ông đáp ứng được đầy đủ điều kiện là làm việc đủ 12 tháng của mỗi năm dương lịch. Tuy nhiên, sau khi ký Hợp đồng lao động ngày

01/4/2020 thì trong năm 2020 ông H Hross chỉ làm việc được 08 tháng (từ tháng 4 đến tháng 12/2020) và trong năm 2021 thì làm việc được gần 02 tháng (từ tháng 1 đến ngày 25/02/2021). Như vậy, ông H Hross không đáp ứng được điều kiện "làm việc đủ 12 tháng của mỗi năm dương lịch" để được nhận hiện vật là hai vé máy bay khứ hồi về nhà hạng phổ thông từ Công ty B Việt Nam. Nguyên đơn tự ấn định số tiền 57.762.000 đồng cho 02 vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông tiêu chuẩn về Đức nhưng không có bất kỳ hóa đơn, chứng từ hợp lệ nào để chứng minh cho số tiền này.

Bị đơn nhận thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, nên bị đơn không đồng ý.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 1605/2023/LĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H Hross về trợ cấp thôi việc tính từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/02/2021;

- Không chấp nhận đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông H Hross về trợ cấp thôi việc tính từ ngày 15/12/1999 đến ngày 16/7/2017;

- Buộc Công ty TNHH B Việt Nam có trách nhiệm trả số tiền 12.580,50 EUR tiền trợ cấp thôi việc còn lại cho ông H Hross, quy đổi ra tiền Việt Nam là 307.291.293 (Ba trăm lẻ bảy triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi ba) đồng (theo tỷ giá 24.426 VNĐ/EUR).

Kể từ ngày ông H Hross có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu thanh toán tiền 02 vé máy bay khứ hồi về Đức do chưa đủ điều kiện khởi kiện; ông H Hross được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Không xem xét giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày 18/8/2023.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên cho các đương sự quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật).

Ngày 15/9/2023, ông H Hross có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng: Yêu cầu Công ty B Việt Nam phải thanh toán cho ông thêm khoản tiền trợ cấp thôi việc tính từ ngày 15/12/1999 đến ngày 16/7/2017 và tiền lãi phát sinh tính từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động (25/02/2021) đến ngày bản án có hiệu lực thi hành, ngoài ra, yêu cầu Công ty B Việt Nam phải thanh toán cho ông 02 vé máy bay khứ hồi như đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

Ngày 19/9/2023, Công ty TNHH B Việt Nam kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH B Việt Nam có trách nhiệm trả số tiền tiền trợ cấp thôi việc còn lại cho ông H Hross, quy đổi ra tiền Việt Nam là 307.291.293 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn (thông qua người đại diện theo ủy quyền) không rút đơn khởi kiện, nhưng tự nguyện rút một phần kháng cáo về tiền 02 (hai) vé máy bay khứ hồi chặng Việt Nam - CHLB Đức, đồng thời bổ sung yêu cầu là đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn Sổ bảo hiểm xã hội.

Bị đơn (thông qua những người đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không ai cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn và đơn kháng cáo của bị đơn đều được làm trong thời hạn luật định và phù hợp về hình thức nên đủ điều kiện để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vắng mặt nhưng có mặt những người đại diện theo ủy quyền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty B Hồng Kông đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về giải quyết nội dung vụ án:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền xin rút một phần kháng cáo về nội dung yêu cầu bị đơn trả tiền hai vé máy bay khứ hồi chặng Việt Nam - CHLB Đức. Xét việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần vụ án mà nguyên đơn đã rút kháng cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn về việc tính toán số tiền bị đơn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn:

[3.2.1] Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn làm việc cho Công ty B Hồng Kông từ ngày 15/12/1999, đến tháng 10/2016 thì chuyển sang làm việc tại Công ty B Việt Nam (bị đơn) và đến ngày 25/02/2021 thì được bị đơn đồng ý cho

chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng. Từ đó, nguyên đơn viện dẫn Điều 5 của Hợp đồng lao động số 12.20/LC-BVN và Phụ lục hợp đồng được nguyên đơn và bị đơn ký kết ngày 01/4/2020 để yêu cầu bị đơn phải chi trả khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn tính từ ngày 15/12/1999 cho đến khi hai bên chấm dứt hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thực tế nguyên đơn đã làm việc tại Công ty B Việt Nam từ ngày 17/7/2017 theo giấy phép lao động được cấp lần thứ nhất, còn trước đó thì nguyên đơn làm việc cho Công ty B Hồng Kông, nên đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền trợ cấp thôi việc tính theo thời gian lao động của ông H Hross tại Công ty B Việt Nam từ tháng 7/2017 đến tháng 02/2021. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu phải được thanh toán khoản tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 15/12/1999 đến ngày 16/7/2017; bị đơn kháng cáo không đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền trợ cấp thôi việc như đã tính.

[3.2.2] Xét tại Điều 5 (về Thanh toán thôi việc) của Hợp đồng lao động số 12.20/LC-BVN được nguyên đơn và bị đơn ký kết ngày 01/4/2020, hai bên đã thỏa thuận: "*Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động bởi Người sử dụng lao động theo điều 8 của Hợp đồng lao động này vì những lý do khác được quy định tại điều 8.2, Bauer sẽ trả cho Người lao động một khoản bồi thường theo luật lao động Việt Nam và trong mọi trường hợp không ít hơn khoản bồi thường phù hợp với quyền lợi tích lũy của Người lao động từ Người sử dụng lao động trước đây như được mô tả trong phụ lục của hợp đồng lao động này*". Tại Điều 8.2 (Chấm dứt hợp đồng) của Hợp đồng lao động nêu trên quy định quyền của Công ty B Việt Nam được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động trong một số trường hợp cụ thể mà không phải thông báo thêm hay trả khoản đền bù nào, gồm: *Người lao động không tuân thủ hoặc từ chối tuân thủ các chỉ thị, và chính sách, quy tắc và quy định của người sử dụng lao động; người lao động không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ và nhiệm vụ do đau ốm, thương tật hoặc bất kỳ lý do nào khác theo luật định; người lao động lạm dụng rượu, ma túy trong giờ làm việc hoặc trong khi thực hiện các nghĩa vụ hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng; người lao động có hành vi lừa gạt, trộm cắp hoặc có bất kỳ hành vi bất lương nào khác*. Song trong vụ án này, quan hệ lao động giữa ông H Hross (người lao động) và Công ty B Việt Nam (người sử dụng lao động) chấm dứt theo đề nghị của người lao động và được người sử dụng lao động chấp thuận, tức là thuộc trường hợp chấm dứt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020. Do đó, khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông H Hross, Công ty B Việt Nam có trách nhiệm giải quyết quyền lợi của ông H Hross theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng lao động, cụ thể là: "*Bauer sẽ trả cho Người lao động một khoản bồi thường theo luật lao động Việt Nam và trong mọi trường hợp không ít hơn khoản bồi thường phù hợp với quyền lợi tích lũy của Người lao động từ Người sử dụng lao động trước đây như được mô tả trong phụ lục của hợp đồng lao động này*".

[3.2.3] Tại Phụ lục của Hợp đồng lao động số 12.20/LC-BVN ngày 01/4/2020 (được gọi là "Hợp đồng lao động mới"), được ba bên gồm ông H

Hross (được gọi là "Người lao động"), Công ty B Hồng Kông (được gọi là "Người sử dụng lao động trước đây") và Công ty B Việt Nam (được gọi là "Người sử dụng lao động mới") ký kết cùng ngày 01/4/2020, thì các bên đã thỏa thuận như sau: "*Ông H Hross có hợp đồng lao động hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 1999 với Người sử dụng lao động trước đây của Ông ấy. Do suy thoái kinh doanh ở Hồng Kông, các bên đã đồng ý rằng Hợp đồng lao động hiện tại với Người sử dụng lao động trước đây sẽ được chấm dứt và không có sự gián đoạn được chuyển nhượng, như được sửa đổi và đồng ý giữa "Người lao động" và "Người sử dụng lao động mới" trong "Hợp đồng lao động mới" đối với "Người sử dụng lao động mới". "Người sử dụng lao động trước đây" và "Người sử dụng lao động mới" là các Công ty có liên quan với nhau và do đó, "Người sử dụng lao động mới" chấp nhận công nhận các quyền lợi mà "Người lao động" đã được hưởng từ những năm làm việc với "Người sử dụng lao động trước đây" như thể những năm làm việc này đã được sử dụng với "Người sử dụng lao động mới". Do đó, "Người lao động" chấp nhận và đồng ý rằng Hợp đồng lao động với "Người sử dụng lao động trước đây" bị chấm dứt có hiệu lực ngay lập tức và được thay thế bằng "Hợp đồng lao động mới". "Người lao động" cũng đồng ý và từ bỏ tất cả các quyền để nhận các phúc lợi khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc các phúc lợi khác do việc chấm dứt Hợp đồng lao động với "Người sử dụng lao động trước đây" của Ông ấy*". Từ thỏa thuận tại phụ lục như đã trích dẫn, có đủ cơ sở xác định khi đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với ông H Hross, Công ty B Việt Nam phải chấp nhận cho ông H Hross được hưởng quyền lợi của người lao động theo pháp luật lao động của Việt Nam với thời gian làm việc tính từ ngày 15/12/1999, không có sự gián đoạn, cho đến khi chấm dứt hợp đồng vào ngày 25/02/2021. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khoảng thời gian từ ngày 15/12/1999 đến ngày 16/7/2017 ông H Hross không làm việc cho Công ty B Việt Nam mà làm việc cho Công ty B Hồng Kông nên không thể buộc Công ty B Việt Nam trả trợ cấp thôi việc cho ông H Hross trong khoảng thời gian này, đồng thời nhận định giấy phép lao động thứ nhất của ông H Hross có hiệu lực từ ngày 17/7/2017 nên mốc thời gian để tính trợ cấp thôi việc cho ông H Hross là ngày 17/7/2017 là không phù hợp với thỏa thuận của ba bên trong Phụ lục hợp đồng ngày 01/4/2020 nêu trên. Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện, cũng như lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì đủ cơ sở xác định trên thực tế, khi chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty B Hồng Kông, ông H Hross mới được nhận các khoản gồm tiền thưởng, tiền ngày phép năm và tiền vé máy bay, tổng cộng là 144.701,88 đô-la Hồng Kông, chưa được nhận khoản trợ cấp thôi việc. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại hợp đồng lao động và phụ lục kèm theo thì khi chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn từ ngày 15/12/1999. Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2.4] Căn cứ Điều 3.1 Hợp đồng lao động số 12.20/LC-BVN ngày 01/4/2020 thì tiền lương trước khi ông H Hross chấm dứt hợp đồng lao động là 8.295 Euro/tháng nên nửa tháng tiền lương sẽ là 4.147,50 Euro. Thời gian ông H

Hross làm việc để tính trợ cấp thôi việc được tính từ ngày 15/12/1999 đến ngày 25/02/2021 là 21 năm 02 tháng 10 ngày, làm tròn là 21 năm. Do đó tiền trợ cấp thôi việc mà Công ty TNHH B Việt Nam phải trả là: 4.147,50 Euro/năm x 21 năm = 87.097,50 Euro. Công ty B Việt Nam mới chi trả cho ông H Hross 4.009,50 Euro, nên còn phải trả cho ông H Hross số tiền trợ cấp thôi việc còn thiếu là: 87.097,50 Euro - 4.009,50 Euro = 83.088,00 Euro. Quy đổi theo tỷ giá ngoại hối do Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 15/5/2025 là 26.550 Việt Nam đồng/Euro thì số tiền Công ty B Việt Nam còn phải chi trả cho ông H Hross là 2.205.986.400 đồng.

[3.3] Xét kháng cáo của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả: Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến trước khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không đưa ra yêu cầu buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi do chậm trả trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn. Chỉ đến phiên tòa sơ thẩm ngày 18/8/2023 thì nguyên đơn mới bổ sung yêu cầu này. Tòa án cáp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định yêu cầu bổ sung của nguyên đơn đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của nguyên đơn về vấn đề này không không có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn (thông qua người đại diện theo ủy quyền) bổ sung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả Sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Xét yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, hơn nữa, yêu cầu này cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn không thuộc phạm vi thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là không phù hợp với chứng cứ khách quan của vụ án nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn ông H Hross không phải nộp án phí. Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn Công ty TNHH B Việt Nam phải nộp án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, đồng thời do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn (ông H Hross), không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH B Việt Nam, sửa Bản án lao động sơ thẩm số 1605/2023/LĐ-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

Áp dụng Điều 14, khoản 3 Điều 46, điểm d khoản 1, khoản 3 Điều 151, Điều 153 Bộ luật Lao động năm 2019;

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần vụ án mà nguyên đơn (ông H Hross) đã rút kháng cáo đối với phần yêu cầu bị đơn (Công ty TNHH B Việt Nam) trả tiền hai vé máy bay khứ hồi chặng Việt Nam-CHLB Đức.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H Hross đòi Công ty TNHH B Việt Nam phải chi trả khoản tiền trợ cấp thôi việc tính từ 15/12/1999 đến ngày 25/02/2021: Buộc Công ty TNHH B Việt Nam phải chi trả cho ông Helmuts Hross khoản tiền trợ cấp thôi việc là 87.097,50 Euro. Khấu trừ khoản tiền Công ty B Việt Nam đã chi trả cho ông H Hross là 4.009,50 Euro, Công ty B Việt Nam còn phải trả cho ông H Hross số tiền là 83.088,00 Euro. Quy đổi theo tỷ giá ngoại hối do Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 15/5/2025 là 26.550 Việt Nam đồng/Euro thì số tiền Công ty B Việt Nam còn phải chi trả cho ông H Hross là 2.205.986.400 đồng (hai tỷ hai trăm linh năm triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày ông H Hross có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn (ông H Hross) về việc buộc bị đơn (Công ty TNHH B Việt Nam) phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn.

4/ Không xem xét yêu cầu kháng cáo bổ sung của nguyên đơn (ông H Hross) về việc buộc bị đơn (Công ty TNHH B Việt Nam) phải trả Sổ bảo hiểm xã hội.

5/ Về án phí:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27, các khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông H Hross không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Công ty TNHH B Việt Nam phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 77.019.728 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) và phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0002100 ngày 21/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, xác định Công ty TNHH B Việt Nam đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ngươi đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sư có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, VP; 19b, PMT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Anh Văn